

Bản án số: **147/2026/DS-ST**
Ngày 17-3-2026
“V/v Tranh chấp nợ hụi”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Nhật.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hiếu Nghĩa.

Ông Danh Út Nhỏ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Vũ Đức – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 – An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – An Giang: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 17 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2026/TLST-DS, ngày 22 tháng 01 năm 2026, về việc “*Tranh chấp nợ hụi*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2026/QĐXXST-DS, ngày 12 tháng 02 năm 2026; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Văn Đ, sinh năm 1983.(có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã Đ, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Bà Khuru Hồng S, sinh năm 1983 và ông Phạm Tiền P, sinh năm 1982.(bà S có mặt, ông P có đơn xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp T, xã Đ, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Lê Văn Đ trình bày:

Vào năm 2023, ông có tham gia 01 dây hụi do bà Khuru Hồng S làm chủ hụi, ông tham gia 01 phần hụi và lấy tên là Đ, cụ thể:

Dây hụi 1.000.000 đồng, bà S áp hụi vào tháng 5/2023 âm lịch và khui hụi đầu tiên vào ngày 15/5/2023 (âm lịch), hụi xổ 01 lần/tháng vào ngày 15 hàng tháng, dây hụi có 24 hụi viên. Quá trình chơi hụi ông đóng đầy đủ cho bà S 16 kỳ, đến gần kỳ xổ thứ 17 thì bà S tuyên bố bẻ hụi và ngưng xổ, tổng cộng ông đã đóng hụi sống cho bà S 16 kỳ tính theo hụi chết là 16.000.000đ. Tuy nhiên, hai

bên thỏa thuận tính theo số tiền hụi đã đóng là 12.080.000đồng và nay ông bớt cho bà S 80.000 đồng, ông Đ yêu cầu bà S trả lại cho ông số tiền là 12.000.000đ. Sự việc này ông có thưa lên áp hòa giải nhiều lần nhưng phía bà S nói không có khả năng trả vì còn nợ nhiều người.

Tại phiên tòa, ông Đ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Khuru Hồng S và chồng là ông Phạm Tiên P có trách nhiệm trả lại cho ông số tiền nợ hụi là 12.000.000đồng (*Mười hai triệu đồng*), không yêu cầu tính lãi suất. Ông Đ yêu cầu vợ chồng bà S trả cho ông trong vòng 1 năm và chia làm 2 lần, 6 tháng trả một lần là 6.000.000đ. Ông Đ xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện là 4.000.000đ, vì trong đơn kiện ông kiện vợ chồng bà S là 16.000.000đ.

Đối với yêu cầu khởi kiện nêu trên của nguyên đơn, tại Biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn bà Khuru Hồng S trình bày: Tôi thừa nhận vào tháng 5/2023 (âm lịch), tôi có mở 01 hụi, đây hụi có giá là 1.000.000 đồng; hụi xỏ 01 lần/tháng vào ngày 15 hàng tháng, đây hụi có 24 hụi viên; Quá trình chơi ông Đ có tham gia chơi 01 phần hụi và đóng đầy đủ cho tôi 16 kỳ và chưa có hốt, đến gần kỳ xỏ thứ 17 thì tôi tuyên bố bẻ hụi và ngưng xỏ do bị tay em giựt hụi. Sau đó hai bên có ngồi lại tính toán tôi nợ tiền hụi sống của ông Đ là 12.080.000đ và nay ông Đ đồng ý giảm bớt cho tôi 80.000đ và chỉ yêu cầu trả 12.000.000đ thì tôi thống nhất. Nhưng vì hoàn cảnh gia đình của chúng tôi khó khăn, hiện còn nợ những chủ nợ khác nên không có khả năng trả theo yêu cầu của ông Đ, tôi xin ông Đ cho tôi được trả dần mỗi vụ lúa là 1.000.000đ (một triệu đồng), vì tôi còn phải lo trả cho các tay em khác.

Bị đơn ông Phạm Tiên P trình bày: Tôi hoàn toàn thống nhất với ý kiến nêu trên của vợ là bà Khuru Hồng S và không có ý kiến nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn chị Khuru Hồng S và anh Phạm Tiên P có địa chỉ cư trú tại ấp T, xã Đ, tỉnh An Giang, theo quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 5 - An Giang.

[2] Về xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án: Quá trình làm việc cũng như tại phiên tòa, ông Đ yêu cầu bà S và ông P trả số tiền nợ hụi là 12.000.000đ. Từ đó có đủ căn cứ để xác định quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp nợ hụi*”

[3] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của ông Đ buộc bà S và ông P trả số tiền hụi là 12.000.000đ, Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn bà Khuru Hồng S và ông Phạm Tiên P đều thừa nhận ông bà còn nợ ông Lê Văn Đ số tiền nợ hụi tổng cộng là 12.000.000đ, do đó việc bà S và ông P có nợ ông Đ số tiền hụi 12.000.000đ là sự thật.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 18, khoản 1 Điều 23 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về nghĩa vụ của chủ

họ phải giao các phần họ cho thành viên lĩnh họ tại mỗi kỳ mở họ, chủ họ phải chịu trách nhiệm đối với việc không giao phần họ cho thành viên được lĩnh họ, căn cứ theo quy định này, bà S là chủ hội đã thu tiền hội của ông Đ nhưng đến kỳ mở hội bà S lại không giao tiền hội cho ông Đ, do đó ông Đ khởi kiện yêu cầu bà S và ông P có nghĩa vụ trả lại số tiền hội là 12.000.000đ (*Mười hai triệu đồng*) là có căn cứ chấp nhận.

[4] Tại phiên tòa ông Đ xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện là 4.000.000đ, vì trong đơn kiện ông kiện vợ chồng bà S là 16.000.000đ. Do đó, đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn Đ về việc xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu ông Phạm Tiền P và bà Khuru Hồng S phải trả số tiền nợ hội là **4.000.000đ** (*Bốn triệu đồng*).

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: $12.000.000đ \times 5\% = 600.000đ$ buộc bà S và ông P cùng liên đới chịu nộp;

Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí cho ông Lê Văn Đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 92; Điều 93; khoản 3 Điều 144; Điều 147; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Khoản 3 Điều 18, khoản 1 Điều 23 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hội biểu, phường;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn Đ về việc xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu ông Phạm Tiền P và bà Khuru Hồng S phải trả số tiền nợ hội là **4.000.000đ** (*Bốn triệu đồng*).

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn Đ về việc yêu cầu bà Khuru Hồng S và ông Phạm Tiền P trả số tiền nợ hội.

Buộc bà Khuru Hồng S và ông Phạm Tiền P có nghĩa vụ trả cho anh Lê Văn Đ số tiền nợ hội là **12.000.000đ** (*Mười hai triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Là 600.000đ (*Sáu trăm nghìn đồng*) buộc bà Khuru Hồng S và ông Phạm Tiền P phải nộp.

Hoàn trả cho ông Lê Văn Đ số tiền tạm ứng án phí là 400.000đ (*Bốn trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 300176 ngày 21/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 5;
- THADS tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Kim Nhập